

Bản án số: 12 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2024

V/v Ly hôn, trả chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường

2. Ông Dương Quý Sáng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, trả chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M – Sinh năm 1993

Trú tại: Bản Lh, xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

2. Bị đơn: A Hồ Văn M – Sinh năm 1982

Trú tại: Bản Lh, xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

(Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và A M tự nguyện kết hôn vào ngày 04/8/2010 tại UBND xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Sau khi đăng ký kết hôn chị M và A M chung sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do A chị không cùng quan điểm trong cuộc sống, luôn bất đồng ý kiến. A M cho rằng chị M phải là người phát triển kinh tế gia đình. Do kinh tế gia đình khó khăn A M đổ lỗi cho chị M và thường xuyên chửi mắng chị

M là đồ vô dụng không làm được việc gì. Sự việc kéo dài nhiều năm chị M đã nín nhịn nhưng A M càng được thể chửi mắng chị M. Gần đây A chị không nói chuyện với nhau được. Không thể tiếp tục chung sống tháng 12 năm 2022 chị M và A M đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn A M.

Về con chung A chị có 03 con chung:

Cháu Hồ P V – Sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011; Cháu Hồ P A – Sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016; Cháu Hồ P N – Sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019. Hiện nay cháu V và cháu A đang sống cùng A M, cháu N đang sống cùng chị M. Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, đề nghị Tòa án giao cháu V và cháu A cho A M trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn A Hồ Văn M và giải quyết nuôi con chung; A M cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, trả chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và A M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai vào ngày 04 tháng 8 năm 2010. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và A M là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng A chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M

đã cung cấp được chứng cứ chứng minh được chị M và A M chung sống không hạnh phúc. Chị M và A M đã ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 , Điều 57 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung:

Xét đề nghị của Chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M đã cung cấp được chứng cứ chứng minh chị có mức thu nhập 5.000.000 đ đến 6.000.000 đ/01 tháng, A M có mức thu nhập từ 9.000.000 đ đến 10.000.000 đ/01 tháng.

Các cháu Cháu Hồ P V; Cháu Hồ P A; có nguyện vọng được sống cùng A M sau khi chị M và A M ly hôn. A chị đều có thu nhập ổn định, mức thu nhập của A M cao hơn chị M, cháu Hồ P N còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của chị M. Vì vậy cần giao các cháu Cháu Hồ P V – Sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011; Cháu Hồ P A – Sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016 cho A M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ P N – Sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, A M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho A chị Trần Thị M được ly hôn A Hồ Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa A chị M và A M chấm dứt kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao các cháu Hồ P V – Sinh ngày 29 tháng 9 năm 2011; Cháu Hồ P A – Sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016 cho A M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ P N – Sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn chị M và A M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị M phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001175 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành

án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BH;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Quang Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BH;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Đường – Dương Quý Sáng

Vũ Quang Đại

